

Số: 69 /KH-THCS-THPT-VTS

Phú Nghĩa, ngày 22 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh năm học 2026 - 2027

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Trường THCS và THPT Võ Thị Sáu xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh năm học 2026 - 2027 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Bảo đảm 100% học sinh thuộc diện được hưởng chính sách đều được thông tin đầy đủ, nộp hồ sơ đúng hạn, không để sót đối tượng.
- Hồ sơ, minh chứng thu nhận một lần, đúng thành phần, đúng thời hạn luật định; hạn chế tối đa việc bổ sung nhiều lần.
- Giáo viên chủ nhiệm là đầu mối rà soát và hướng dẫn phụ huynh; Tổ Văn phòng (kế toán) là đầu mối tiếp nhận, thẩm định và tổng hợp.

II. CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ÁP DỤNG TẠI ĐƠN VỊ

1. Miễn học phí (Điều 15 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP)

Toàn bộ học sinh đang học tại nhà trường được miễn học phí. Học sinh và phụ huynh KHÔNG phải nộp đơn, không phải nộp minh chứng. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng, Hiệu trưởng lập và phê duyệt danh sách học sinh được miễn học phí.

Lưu ý khi tuyên truyền: miễn học phí không đồng nghĩa với miễn các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu hộ, chi hộ.



2. Hỗ trợ chi phí học tập 150.000 đồng/học sinh/tháng (Điều 17, khoản 10 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP)

Thời gian hưởng theo thời gian học thực tế, không quá 9 tháng/năm học; chi trả 02 lần/năm vào đầu các học kỳ. Bốn nhóm đối tượng và minh chứng tương ứng nêu tại Bảng tra nhanh (Phụ lục 1 kèm theo).

Thời hạn nộp hồ sơ: trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học. Nộp 01 bộ hồ sơ cho cả thời gian học tập; riêng học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo phải nộp bổ sung giấy xác nhận vào mỗi đầu học kỳ. Trường hợp nộp sau thời hạn thì chỉ được hưởng kể từ thời điểm nộp hồ sơ.

3. Chính sách đối với học sinh bán trú (Nghị định số 66/2025/NĐ-CP)

Áp dụng đối với học sinh đủ điều kiện về nơi thường trú, khoảng cách từ nhà đến trường (từ 7 km trở lên đối với cấp trung học cơ sở, từ 10 km trở lên đối với cấp trung học phổ thông) và thuộc diện dân tộc thiểu số/hộ nghèo theo quy định tại Điều 4 Nghị định.

Mức hưởng: tiền ăn 936.000 đồng/tháng; tiền nhà ở 360.000 đồng/tháng (trường hợp phải tự túc chỗ ở); hỗ trợ gạo 15 kg/tháng. Thời gian hưởng không quá 9 tháng/năm học.

Thời hạn nộp hồ sơ: trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhà trường thông báo. Nộp 01 bộ hồ sơ cho cả cấp học.

4. Chính sách đối với học sinh khuyết tật (Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT)

Học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hưởng học bổng bằng 80% mức lương cơ sở/tháng, cấp 9 tháng/năm học; đồng thời được hỗ trợ 1.000.000 đồng/năm học để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập. Chi trả 02 lần/năm: lần 1 vào tháng 9 hoặc tháng 10, 11; lần 2 vào tháng 3 hoặc tháng 4, 5.

Nhà trường thông báo chính sách trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu năm học.

5. Chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số rất ít người (Nghị định số 57/2017/NĐ-CP)

Áp dụng đối với học sinh thuộc 16 dân tộc: Công, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ. Mức hỗ trợ học tập bằng 40% mức lương cơ sở/học sinh/tháng đối với học sinh học tại trường trung học cơ sở, trung học phổ thông; 60% nếu là học sinh bán trú tại trường phổ thông công lập có học sinh bán trú. Giáo viên chủ nhiệm rà soát, báo cáo ngay nếu lớp có học sinh thuộc các dân tộc nêu trên.

6. Nguyên tắc không hưởng trùng

Học sinh đồng thời thuộc nhiều chính sách cùng loại thì chỉ được hưởng 01 mức cao nhất (khoản 4 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; khoản 1 Điều 5 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP). Bộ phận kế toán chịu trách nhiệm đối chiếu, loại trùng trước khi trình phê duyệt.

III. QUY TRÌNH VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Bước	Nội dung công việc	Người thực hiện	Thời gian hoàn thành
1	Ban hành kế hoạch; niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường và đăng trên trang thông tin, nhóm Zalo GVCN	Hiệu trưởng, Tổ Văn phòng	Trong 03 ngày kể từ ngày ký
2	Thu Phiếu rà soát; hướng dẫn phụ huynh đi xin giấy xác nhận tại UBND xã, phường nơi thường trú; đơn đăng ký.	Giáo viên chủ nhiệm	Trước ngày 26/10/2026
3	Nộp về phòng Tài vụ: Đơn đề nghị + hồ sơ, minh chứng của từng học sinh	Giáo viên chủ nhiệm	Trước ngày 05/11/2026
4	Tiếp nhận, đối chiếu bản chính, ký xác nhận bản chụp, loại trùng đối tượng, lập danh sách và dự toán kinh phí	Kế toán	Trước ngày 10/11/2026
5	Thẩm định, phê duyệt danh sách; niêm yết công khai; gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo	Hiệu trưởng	Theo thời hạn quy định của từng Nghị định
6	Tổ chức chi trả, lập chứng từ và quyết toán kinh phí; công khai kết quả	Kế toán	Dự kiến Đợt 1: tháng 12/2026 Đợt 2: tháng 5/2027

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giáo viên chủ nhiệm: rà soát 100% học sinh của lớp theo Bảng tra nhanh; hướng dẫn phụ huynh chuẩn bị đúng, đủ minh chứng; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ của danh sách lớp mình; báo cáo ngay các trường hợp phát sinh trong năm học (học sinh mới chuyển đến, gia đình mới được công nhận hộ nghèo, học sinh mới có giấy xác nhận khuyết tật).

2. Tổ Văn phòng: bộ phận văn thư cung cấp đơn đề nghị; bộ phận tài vụ tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; đối chiếu bản chính; lập danh sách, dự toán, chứng từ chi trả và quyết toán; lưu trữ hồ sơ theo quy định.

3. Ban Giám hiệu: phê duyệt danh sách, công khai và gửi hồ sơ về cơ quan quản lý cấp trên đúng thời hạn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các bộ phận phản ánh về Tài vụ để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Toàn thể GVCN, các tổ chuyên môn;
- Niêm yết, trang TTĐT trường;
- Lưu: VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Lương



TRƯỜNG
THI SỬ
HÀNG

TRƯỜNG
THI SỬ
HÀNG

**BẢNG TRA NHANH CHẾ ĐỘ - ĐỐI TƯỢNG - MINH CHỨNG**

(Dành cho giáo viên chủ nhiệm - in 01 bản kẹp vào sổ chủ nhiệm)

Chế độ	Đối tượng được hưởng	Giấy tờ phụ huynh phải nộp	Mức hưởng
Hỗ trợ chi phí học tập	1. Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Đơn (mẫu của trường) + Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do UBND xã, phường cấp	150.000 đ/tháng (tối đa 9 tháng/năm học)
	2. Học sinh khuyết tật	Đơn + Giấy xác nhận khuyết tật hoặc Quyết định trợ cấp xã hội	150.000 đ/tháng
	3. Cha/mẹ hoặc ông bà (nếu ở với ông bà) thuộc hộ nghèo	Đơn + Giấy xác nhận hộ nghèo do UBND xã, phường cấp (nộp lại mỗi đầu học kỳ)	150.000 đ/tháng
	4. Bản thân và cha/mẹ/người giám hộ thường trú tại thôn đặc biệt khó khăn (Thôn Bù Kroai; Thôn Đăk Khâu; Thôn Thác Dài; Thôn Đăk Sơn 2)	Đơn + xác nhận thường trú (nếu không khai thác được dữ liệu dân cư)	150.000 đ/tháng
Chính sách học sinh bán trú	Nhà xa trường từ 7 km (THCS) hoặc 10 km (THPT) trở lên, hoặc địa hình cách trở; kèm điều kiện về nơi thường trú (Thôn Bù Kroai; Thôn Đăk Khâu; Thôn Thác Dài; Thôn Đăk Sơn 2) hoặc diện dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	Đơn theo Mẫu số 04 Nghị định 66/2025 + Hình chụp khoảng cách từ nhà đến trường trên Google map (GVCN ký xác nhận) + xác nhận thường trú (nếu không khai thác được dữ liệu dân cư) hoặc Giấy xác nhận hộ nghèo (nếu thuộc hộ nghèo)	Tiền ăn 936.000 đ/tháng Tiền nhà ở 360.000 đ/tháng Gạo 15 kg/tháng (tối đa 9 tháng/năm học)
Học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo	Học sinh có giấy xác nhận khuyết tật và thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	Giấy xác nhận khuyết tật (bản sao công chứng) + Giấy chứng nhận hộ nghèo/cận nghèo (bản sao công chứng)	Học bổng 80% mức lương cơ sở/tháng (9 tháng/năm học) + 1.000.000 đ/năm mua đồ dùng học tập
Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người	Thuộc 16 dân tộc: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ	Giấy khai sinh/căn cước thể hiện thành phần dân tộc	40% mức lương cơ sở/tháng

Lưu ý:

- Học sinh thuộc nhiều chế độ cùng loại thì chỉ hưởng một mức cao nhất.
- Nộp muộn thì chỉ được hưởng kể từ ngày nộp hồ sơ, không truy lĩnh phần trước đó.
- Hộ nghèo, hộ cận nghèo phải nộp lại giấy xác nhận vào mỗi đầu học kỳ; các diện khác chỉ nộp một lần cho cả cấp học.

Mọi thắc mắc liên hệ Tổ Văn phòng (bộ phận kế toán).





MẪU THÔNG BÁO GỬI PHỤ HUYNH HỌC SINH
THÔNG BÁO VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC SINH NĂM HỌC
2026 - 2027

Kính gửi quý phụ huynh,

Năm học 2026 - 2027, nhà trường thông báo tới quý phụ huynh có con em thuộc diện hưởng chế độ học sinh sau đề nghị cung cấp hồ sơ:

1. Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ.
2. Học sinh khuyết tật (có giấy xác nhận khuyết tật).
3. Gia đình thuộc hộ nghèo (hoặc ông bà thuộc hộ nghèo trong trường hợp cháu ở với ông bà).
4. Gia đình thường trú tại thôn (Thôn Bù Kroai; Thôn Đăk Khâu; Thôn Thác Dài; Thôn Đăk Son 2), bản đặc biệt khó khăn hoặc xã khu vực III.
5. Nhà ở xa trường từ 7 km trở lên (cấp THCS) hoặc 10 km trở lên (cấp THPT) hoặc thuộc diện dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo.

Giấy tờ cần chuẩn bị: bản sao có chứng thực (hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu) của Giấy xác nhận hộ nghèo, Giấy xác nhận khuyết tật, Giấy xác nhận mồ côi - do Ủy ban nhân dân xã, phường nơi thường trú cấp. Đơn đề nghị do giáo viên chủ nhiệm phát, phụ huynh chỉ cần điền và ký.

Thời hạn nộp cho giáo viên chủ nhiệm: trước ngày 05/11/2026. Nộp sau thời hạn, con em chỉ được hưởng kể từ ngày nộp hồ sơ.

Nếu chưa rõ gia đình có thuộc diện nào hay không, quý phụ huynh cứ liên hệ giáo viên chủ nhiệm để được hướng dẫn - nhà trường sẽ kiểm tra giúp, không thu bất kỳ khoản phí nào cho việc làm hồ sơ này.

Trân trọng cảm ơn quý phụ huynh.

